| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG RIỀNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tư do – Hạnh phúc** |

Bản án: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2020
V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình - ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***
*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy An
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Danh Ngọc Bình
Bà Dư Mỹ Linh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thái Trang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLDS-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc K, sinh năm 2001. Có mặt
Địa chỉ: Ấp Vinh B, xã Ngọc Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 2000. Có mặt
Địa chỉ: Ấp Kinh X, xã Ngọc Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị Đ, sinh năm: 1980. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp Vinh B, xã Ngọc Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Trần Quốc K trình bày:*

Anh và chị Q thông qua người mai mối, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 20/4/2019 (âm lịch) đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, bất

đồng quan điểm trong kinh tế gia đình. Anh chị đã ly thân từ ngày 12/6/2019 cho đến nay. Anh K yêu cầu ly hôn với chị Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ngày cưới cha mẹ ruột của anh cho vợ chồng 10 chỉ 24K (9999), 10 chỉ 18K. Cha mẹ vợ cho 05 chỉ 24K và 10 chỉ 18K.

Sau đó vợ chồng thống nhất bán 10 chỉ vàng 24k để nhờ bà Mai Thị Đ mua đầu hụi của chị L cùng ấp, dây hụi do bà Đ trực tiếp giao dịch và hiện nay dây hụi đã kết thúc. Hiện tại bà Đ đang giữ 10 chỉ 24K, chị Q đang giữ 05 chỉ 24K và 20 chỉ 18K. Anh K yêu cầu số vàng gia đình hai bên cho thì hoàn trả lại cho nhau, chị Q phải trả lại cho anh 10 chỉ vàng 18K. Đối với phần tài sản bên nhà vợ cho là 10 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K là của chị Q, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn - Chị Nguyễn Thị Thúy Q trình bày*:

Chị xác định lời trình bày của anh K về quá trình hôn nhân và con chung nợ chung là đúng. Anh K yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về tài sản: Chị Q xác định anh K trình bày về số vàng cưới hai bên gia đình cho trong ngày cưới là đúng, tuy nhiên phần vàng cha mẹ anh K trong ngày cưới là cho nữ trang cô dâu và phần tài sản cha mẹ ruột cho riêng chị trong ngày cưới, tất cả số vàng trên đều là tài sản riêng của chị.

Đối với phần tài sản bên nhà chồng cho là 10 chỉ vàng 24K, chị đã đưa mẹ chồng là bà Mai Thị Đ mượn. Ngoài ra chị có đưa cho bà Đ mượn thêm số tiền là 8.000.000 đồng. Chị Q yêu cầu bà Đ phải giao trả lại cho chị 10 chỉ vàng 24K và 8.000.000 đồng, chị Q thừa nhận hiện đang cất giữ 10 chỉ 18K (bộ vòng) nhà chồng cho. Tuy nhiên, bộ vòng không còn, chị đã bán được hơn 20 triệu, do chị tự bán để làm chi phí sinh hoạt riêng. Đối với yêu cầu trả lại tài sản của anh K chị không đồng ý.

Về nợ chung: Không có.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Bà Mai Thị Đ trình bày:*

Bà xác định anh K, chị Q có đưa cho bà số vàng là 10 chỉ vàng 24K và số tiền mặt là 8.000.000 đồng để nhờ bà mua dây hụi làm ăn, giúp cho con chứ không phải do bà mượn. Giao dịch hụi này thì bà là người trực tiếp tham gia. Hiện bà đã hốt dây hụi xong được khoảng hơn 40 triệu. Chị Q yêu cầu bà phải giao trả lại 10 chỉ vàng 24K và 8.000.000 đồng thì bà không đồng ý, nếu anh K – chị Q không chung sống nữa, bà yêu cầu chị Q phải giao trả lại cho anh K 10 chỉ vàng 18K, bà mới đồng ý trả lại cho Q 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy anh K, chị Q đã chung sống như vợ chồng từ 20/4/2019, hiện nay anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh K yêu cầu xin ly

hôn đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Thị Thúy Q là vợ chồng.

Về con chung: Không có

Về tài sản: Do hôn nhân của anh K, chị Q không được pháp luật công nhận, quá trình chung sống thời gian ngắn, không tạo lập được thêm tài sản gì ngoài số vàng cưới gia đình anh K cho trong ngày cưới nên đề nghị Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu công nhận tài sản riêng của chị Q, cần buộc chị Q giao trả lại 10 chỉ vàng 18K cho anh K. Anh K - chị Q có tổ chức đám cưới, có chung sống như vợ chồng nên theo tập quán tại địa phương xét thấy cần đảm bảo quyền và lợi ích cho chị Q nên đề nghị xem xét buộc anh K cho chị Q 01 đôi bông tai và 01 nhẫn cưới tương đương 02 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Đối với yêu cầu độc lập của chị Q, bà Đ thừa nhận hiện đang giữ 10 chỉ vàng 24K và 8.000.000 đồng, do phần vàng 10 chỉ 24K không phải là tài sản riêng của chị Q nên đề nghị không chấp nhận, anh K không yêu cầu bà Đ phải giao trả lại vàng nên không xem xét, đề nghị khoản 4 Điều 11 của Bộ luật Dân sự buộc bà Đ giao trả lại cho chị Q số tiền 8.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử buộc anh K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, anh K, chị Q, bà Đ phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Anh K khởi kiện xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn đối với chị Q. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Q yêu cầu bà Đ phải giao trả lại tài sản là tranh chấp kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Kinh X xã Ngọc Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh K, chị Q bắt đầu chung sống như vợ chồng từ ngày 20/4/2019 (õm lịch) cho đến nay đó đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh K có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Thị Thúy Q là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản: Anh K và chị Q cùng xác định tài sản gia đình anh K cho trong ngày cưới gồm có: 10 chỉ vàng 24K (Loại 9999) và 10 chỉ vàng 18K. Gia đình chị Q cho trong ngày cưới 05 chỉ 24K và 10 chỉ 18K.

Chị Q xác định phần tài sản gia đình anh K cho trong ngày cưới là tài sản cho cô dâu, cho riêng chị. Tòa án đã yêu cầu chị cung cấp chứng cứ để chứng minh, chị có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh một số nhân chứng. Căn cứ kết quả thẩm tra, xác minh, ý kiến của bà Đ, anh K đều xác định tài sản nhà chồng cho trong ngày cưới là tài sản cho chung vợ chồng. Ngoài ra, chị Q không cung cấp thêm chứng cứ nào khác nên không đủ cơ sở xác định tài sản gia đình anh K cho trong ngày cưới là tài sản cho riêng chị Q.

Do anh K - chị Q không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, tài sản gia đình anh K cho trong ngày cưới không phải là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Xét thấy anh K - chị Q chung sống như vợ chồng thời gian ngắn, vợ chồng không có công sức đóng góp, tạo lập tài sản gì thêm. Căn cứ quy định tại Điều 14 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở xác định số vàng cưới 10 chỉ vàng 24K (loại 9999) và 10 chỉ vàng 18K không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Việc chị Q trình bày trong thời gian ly thân chị đã bán 10 chỉ vàng 18K để chi sài cá nhân mà không có sự đồng ý của anh K, mục đích của việc bán tài sản không phải để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không có căn cứ chấp nhận.

Mặc dù quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận nhưng thực tế anh chị cũng đã tổ chức lễ cưới, chung sống như vợ chồng. Theo phong tục tập quán tại địa phương ngày cưới cô dâu cần có 01 đôi bông tai và nhẫn cưới, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị Q được 02 chỉ vàng 24K.

Do anh K không yêu cầu chia phần tài sản gia đình chị Q cho trong ngày cưới nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét yêu cầu đòi lại tài sản của chị Q đối với bà Mai Thị Đ:

Chị Q yêu cầu bà Đ phải trả cho chị 10 chỉ vàng 24K và 8.000.000 đồng mà chị đã cho bà Đ mượn. Bà Đ thừa nhận sự việc có nhận tài sản từ chị Q, anh K nhưng nhằm mục đích giúp con làm ăn. Do anh K và chị Q không tiếp tục chung sống, chị Q đã bỏ nhà đi nên không đồng ý trả lại tài sản theo yêu cầu của chị Q, bà yêu cầu chị Q phải giao trả cho anh K 10 chỉ vàng 18K thì mà mới đồng ý trả cho chị Q 8.000.000 đồng. Xét thấy 10 chỉ vàng 24K hiện bà Đ đang cất giữ không phải là tài sản riêng của chị Q nên không chấp nhận yêu cầu trả vàng của chị Q. Tuy nhiên bà Đ đã thừa nhận sự việc nhận tiền từ chị Q thì bà phải có nghĩa vụ giao trả lại tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, bà Đ và anh K cùng xác định 10 chỉ vàng 24K hiện do bà Đ đang cất giữ, anh K thống nhất giao cho bà Đ tiếp tục giữ và không yêu cầu giao trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh K phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008005 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh K phải nộp án phí chia tài sản là: [(08 chỉ vàng 24K (loại 9999) x 4.815.000 đồng) + (10 chỉ vàng 18K x 2.822.400 đồng)] x 5% = 3.337.200 đồng.

Chị Q phải chịu án phí chia tài sản là: (02 chỉ vàng 24K (loại 9999) x 4.815.0000 đồng) x 5% = 481.500 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 1.375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003358 ngày 22/5/2020, hoàn trả cho chị Q số tiền án phí là 894.000 đồng.

Bà Đ phải chịu án phí dân sự là: 8.000.000 đồng x 5% = 400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 11 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, b, c khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Thị Thỳy Q là vợ chồng.

- Về tài sản:

Không chấp nhận yêu cầu công nhận tài sản riêng của chị Q.

Chấp nhận một phần yêu cầu K kiện đòi tài sản của chị Q đối với bà Mai Thị Đ. Buộc bà Mai Thị Đ phải giao trả cho chị Q 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

Buộc anh Trần Quốc K phải giao cho chị Nguyễn Thị Thúy Q 02 (*hai*) chỉ vàng 24K (Loại 9999)

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy Q phải giao trả cho anh Trần Quốc K 10 (*Mười*) chỉ vàng 18K.

Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Đ phải chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh K phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008005 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh K phải chịu án phí chia tài sản là: [(08 chỉ vàng 24K (loại 9999) x 4.815.0000 đồng) + (10 chỉ vàng 18K x 2.822.400 đồng)] x 5% = 3.337.000 đồng (*Ba triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Chị Q phải chịu án phí chia tài sản là: (02 chỉ vàng 24K (loại 9999) x 4.815.0000 đồng) x 5% = 481.500 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 1.375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003358 ngày 22/5/2020, hoàn trả cho chị Q số tiền án phí là 893.500 đồng *(Tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng)*.

Bà Đ phải chịu án phí dân sự là: 8.000.000 đồng x 5% = 400.000 đồng *(Bốn trăm nghìn đồng)*.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 15/6/2010.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

**Nguyễn Thúy An**